TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 107/2019/QĐST-HNGĐ	*Uông Bí, ngày 04 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, các điều 82, 83, 84, khoản 1 Điều 107, các điều 110, 116 và 117, khoản 1 Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4, các khoản 1 và 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1) Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1990; nơi cư trú: …, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2) Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; nơi cư trú: …, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 21 tháng 3 năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, do bất đồng về quan điểm, lối sống không hợp nhau, chị Yến về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Anh chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hải L sinh ngày 20/03/2014. Anh chị thỏa thuận: giao

con chung cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị Hải Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 tháng (hai triệu đồng mỗi tháng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 6 năm 2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự: Chị Trần Thị Hải Y tự nguyện nộp 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con và chia tài sản cùng lập ngày 26 tháng 6 năm 2019 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con và chia tài sản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Văn H cùng thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hải L sinh ngày 20/03/2014 kể từ tháng 06 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị Hải Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 tháng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 06/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị Hải Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Y.

Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Hải Y tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000912 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chị Trần Thị Hải Y đã nộp đủ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND P. Quang Trung, TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm